

Số: 193 /BC-SKHĐT

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Phân tích Chỉ số PCI tỉnh Lạng Sơn năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ báo cáo kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Cơ quan phát triển Quốc tế Hoa kỳ (USAID) công bố ngày 27/4/2022. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021 của tỉnh Lạng Sơn như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả xếp hạng chung

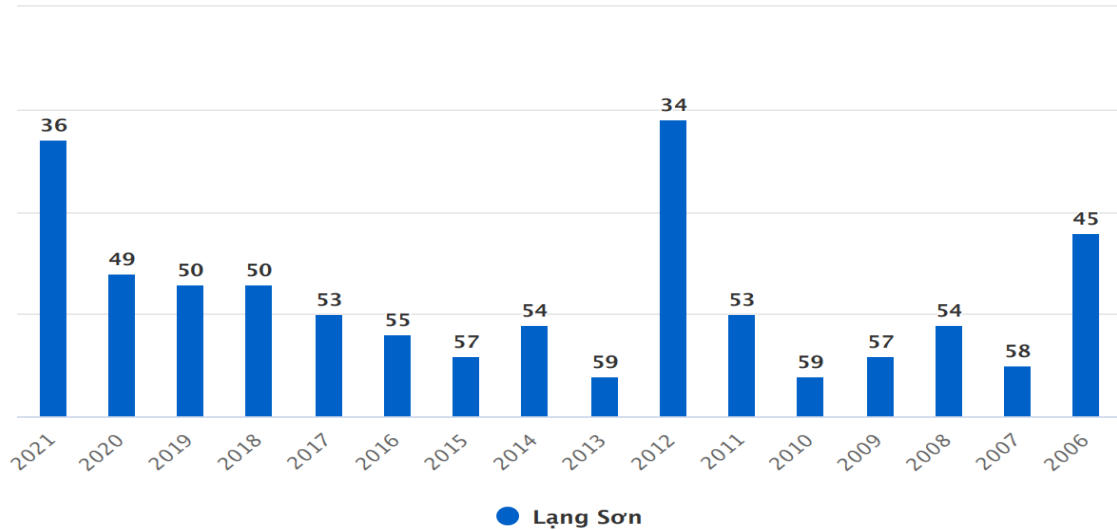
Chỉ số PCI 2021 được phân tích dựa trên bộ dữ liệu được thu thập từ 8.036 doanh nghiệp. Trong báo cáo PCI 2021, từng chỉ số thành phần cũng được sắp xếp, cấu trúc lại như sau: số chỉ tiêu mới được bổ sung là 60; số chỉ tiêu duy trì từ giai đoạn PCI 2017-2020 nhưng được điều chỉnh trong PCI 2021 là 6 chỉ tiêu; số chỉ tiêu cũ trong giai đoạn PCI 2017-2020 bị loại bỏ là 52; 76 chỉ tiêu của giai đoạn trước vẫn được giữ như cũ trong PCI 2021. Chỉ số PCI 2021 gồm 10 chỉ số thành phần bao gồm: chi phí gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất, tính minh bạch, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, tính năng động của chính quyền tỉnh, môi trường cạnh tranh bình đẳng, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (đổi tên từ chỉ số thành phần: Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp), đào tạo lao động và thiết chế pháp lý với 142 chỉ tiêu.

Năm 2021, sau chu kì 04 năm/lần, VCCI đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung đánh giá các chỉ tiêu trong các chỉ số thành phần, đặc biệt chỉ số thành phần “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp” đã thay thế gần như hoàn toàn cho chỉ số thành phần “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp” nhằm tập trung tìm hiểu đánh giá của doanh nghiệp về kết quả triển khai các chương trình trợ giúp doanh nghiệp trong khuôn khổ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có hiệu lực từ năm 2018.

Chỉ số PCI năm 2021 của tỉnh Lạng Sơn đạt 63,92 điểm (tăng 1,49 điểm), tăng 13 bậc so với năm 2020 xếp hạng **36/63** trong cả nước, nằm trong nhóm tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành Trung bình; kém 9,1 điểm so với tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng là tỉnh Quảng Ninh, kém 0,82 điểm so với tỉnh nằm trong bảng xếp cuối của nhóm khá là tỉnh Cà Mau (xếp hạng 32/63 tỉnh, thành phố) Đây là năm tỉnh Lạng Sơn có điểm số cao nhất, thứ hạng cao thứ hai kể từ trước tới nay (năm 2012 đạt 56,29 điểm, xếp vị trí thứ 34/63 tỉnh, thành phố).

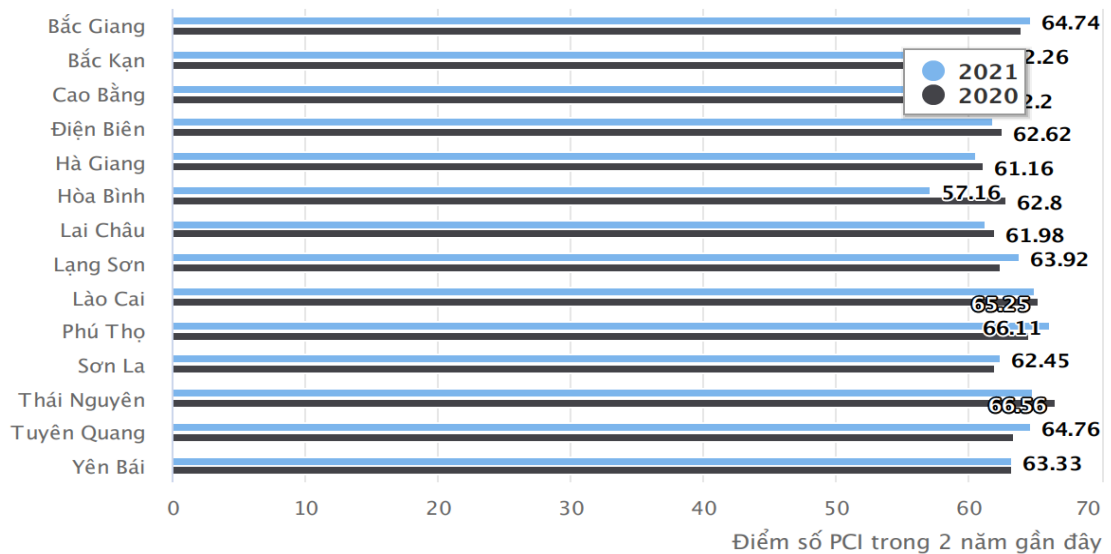
Trong 10 chỉ số thành phần của Báo cáo PCI Lạng Sơn có 6/10 chỉ số tăng điểm gồm: “Tính năng động của chính quyền tỉnh”, “Chi phí thời gian”, “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp”, “Tiếp cận đất đai”, “Chi phí không chính thức”, “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự”. Có 4/10 chỉ số giảm điểm: “Tính minh bạch”, “Cạnh tranh bình đẳng”, “Chi phí gia nhập thị trường”, “Đào tạo lao động”.

Xếp hạng PCI theo thời gian của Lạng Sơn



Tính riêng khu vực Miền núi phía bắc, tỉnh Lạng Sơn xếp thứ 6/14 tỉnh, thành phố cao hơn 8 tỉnh (Yên Bái, Sơn La, Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu, Hà Giang, Hòa Bình, Cao Bằng); thấp hơn 5 tỉnh thuộc trong nhóm khá (Phú Thọ, Lào Cai, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang).

So sánh – Lạng Sơn với các tỉnh thuộc khu vực Miền Núi Phía Bắc



2. Kết quả thực hiện cải thiện các chỉ số thành phần và chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch 118/KH-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh.

TT	Chỉ số thành phần	Trọng số	Điểm PCI 2020	Điểm PCI 2021	Mục tiêu PCI năm 2021 tại KH 118	Tăng, giảm điểm số so với năm 2020	Tăng, giảm thứ hạng so với năm 2020	Đơn vị đầu mối
	Tổng số							
1	Chi phí gia nhập thị trường	5%	8,77	5,86	8,9	- 2,91	-58	Sở KH&ĐT
2	Tiếp cận đất đai và sử dụng ổn định mặt bằng sản xuất	5%	5,96	6,71	6,7	+ 0,75	+10	Sở TN&MT
3	Tính minh bạch	20%	5,75	5,61	6,5	- 0,14	-8	VP UBND tỉnh
4	Chi phí thời gian để thực hiện quy định của Nhà nước	5%	7,17	7,82	7,3	+ 0,65	+32	VP UBND tỉnh
5	Chi phí không chính thức	10%	5,98	7,55	6,2	+ 1,57	+39	Sở Nội vụ
6	Cạnh tranh bình đẳng	5%	6,39	6,31	7	- 0,08	+18	Sở KH&ĐT
7	Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh	5%	5,72	7,60	6,2	+ 1,88	+47	VP UBND tỉnh
8	Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp	20%	6,04	6,32	6,2	+0,28	-16	Sở KH&ĐT
9	Đào tạo lao động	20%	6,30	5,83	6,6	- 0,47	+10	Sở Lao động TB&XH
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	5%	6,54	7,39	7	+ 0,85	+17	Công an tỉnh

Theo Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh (gọi tắt là Kế hoạch 118/KH-UBND), UBND tỉnh đã phân công nhiệm vụ rõ ràng tới các đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối, chủ trì dựa trên 10 chỉ số thành phần với 128 chỉ tiêu cho các sở, ban, ngành. Tuy nhiên, năm 2021, VCCI đánh giá 10 chỉ số thành phần với 142 chỉ tiêu (do thay thế, sửa đổi và bổ sung chỉ số thành phần với các chỉ tiêu).

Căn cứ bảng kết quả PCI năm 2021 do VCCI công bố, trong 10 chỉ số thành phần trên có 06 chỉ số thành phần đạt mục tiêu theo Kế hoạch đề ra, trong đó có 05 chỉ số thành phần là “*Tính năng động của chính quyền tỉnh*”, “*Chi phí thời gian*”, “*Tiếp cận đất đai*”, “*Chi phí không chính thức*”, “*Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự*” tăng điểm và tăng bậc; có 01 chỉ số thành phần tăng điểm

nhưng giảm bậc là “*Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp*”, Có 04 chỉ số thành phần không đạt kết quả theo mục tiêu đề ra, trong đó có 03 chỉ số thành phần là: “*Tính minh bạch*”, “*Cạnh tranh bình đẳng*”, “*Chi phí gia nhập thị trường*” giảm điểm và giảm bậc; có 01 chỉ số thành phần là: “*Đào tạo lao động*” giảm điểm nhưng tăng bậc, cụ thể:

Các chỉ số thành phần tăng điểm, tăng bậc nhiều nhất năm 2021 gồm: “*Tính năng động của chính quyền tỉnh*” tăng 1,88 điểm (trọng số: 5%), tăng 47 bậc; “*Chi phí không chính thức*” tăng 1,57 điểm (trọng số 10%), tăng 39 bậc.

Các chỉ số thành phần giảm điểm, giảm bậc nhiều nhất ảnh hưởng lớn tới kết quả PCI năm 2021 gồm các chỉ số thành phần: “*Chi phí gia nhập thị trường*” giảm 2,91 điểm (trọng số 5%), giảm 58 bậc.

Còn 02 chỉ số thành phần được gán trọng số cao (20%) cụ thể: “*Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp*” là chỉ số được thay thế đánh giá mới hoàn toàn trong năm 2021 mặc dù tăng 0,28 điểm tuy nhiên xếp hạng lại giảm 16 bậc. Chỉ số thành phần “*Đào tạo lao động*” mặc dù giảm 0,47 điểm nhưng xếp hạng lại tăng 10 bậc.

II. PHÂN TÍCH CHI TIẾT CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

1. Các chỉ số thành phần PCI tăng điểm năm 2021

1.1. Chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất”

Là chỉ số đánh giá việc tiếp cận đất có dễ dàng không và doanh nghiệp có thể yên tâm và được bảo đảm về sự ổn định khi có mặt bằng kinh doanh hay không.

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” có 14 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 10 chỉ tiêu, bỏ 1 chỉ tiêu, bổ sung mới 4 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 6,71 điểm (tăng 0,75 điểm), xếp hạng 49/63 cả nước (tăng 10 bậc). Có thể thấy đây là một trong những chỉ số có sự chuyển hướng tốt trong năm 2021, tăng cả điểm và thứ hạng, đồng thời đạt mục tiêu theo Kế hoạch 118/KH-UBND, cụ thể như sau:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Điểm số doanh nghiệp cho rằng “*DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất*” năm 2021 đạt 2,03 điểm, đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 42% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh*”, xếp hạng 54/63 tỉnh, thành phố. Có đến 22% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm*”, xếp hạng 52/63 tỉnh, thành phố. Có 78% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường*”, xếp hạng 29/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên chỉ có 26% doanh nghiệp cho rằng “*Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng*”, xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố.

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: Các chỉ tiêu đều chưa đạt cao trong năm 2021 cụ thể: Có 10% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Cán bộ nhận hồ sơ*”

và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ”, xếp hạng 47/63 tỉnh, thành phố. Có 10% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian”, xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố. Có 46% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai”, xếp hạng 16/63 tỉnh, thành phố.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” tại Kế hoạch số 118/KH-UBND thì Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối cũng như chủ trì cải thiện chỉ số thành phần này đã đạt mục tiêu đề ra theo Kế hoạch.

1.2. Chỉ số thành phần “Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh”

Chỉ số đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của lãnh đạo tỉnh trong quá trình thực thi chính sách Trung ương cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Trung ương theo hướng có lợi cho doanh nghiệp.

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh” có 09 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 7 chỉ tiêu, bỏ 02 chỉ tiêu, bổ sung mới 02 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 7,60 điểm (tăng 1,88 điểm), xếp hạng 6/63 tỉnh, thành phố (tăng 47 bậc). Chỉ số này là chỉ số tăng cao nhất kể cả điểm số và thứ hạng trong năm 2021 cụ thể:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: 74% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực*”, xếp hạng 03/63 tỉnh, thành phố. Có đến 35% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh*”, xếp hạng 43/63 tỉnh, thành phố. Có 34% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố*”, xếp hạng 26/63 tỉnh, thành phố. 20% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì”*”, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 86% doanh nghiệp đồng ý “*Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh*”, xếp hạng 7/63 tỉnh, thành phố.

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: có 56% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán*”, xếp hạng 21/63 tỉnh, thành phố. 70% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình*”, xếp hạng 38/63 tỉnh, thành phố.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số “Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh” tại Kế hoạch số 118/KH-UBND, thì Văn phòng

UBND tỉnh là cơ quan đầu mối chủ trì cải thiện chỉ số thành phần này đã đạt mục tiêu đề ra theo Kế hoạch.

1.3. Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức”

Đo lường các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “*dịch vụ*” như mong đợi và liệu các cán bộ Nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không.

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” có 16 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 9 chỉ tiêu, bổ sung mới 7 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 7,55 điểm (tăng 1,57 điểm), xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng 39 bậc). Đây là chỉ số thành phần có điểm tăng liên tục từ năm 2017 đến nay.

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Có 40% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT*”, xếp hạng 28/63 tỉnh, thành phố. Có đến 29% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra*”, xếp hạng 46/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, có đến 43% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Chi trả hoa hồng là cần thiết để có cơ hội thắng thầu*”, xếp hạng 44/63 tỉnh, thành phố.

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: Có đến 76% doanh nghiệp được hỏi cho rằng doanh nghiệp phải trả “*CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện*”, xếp hạng 61/63 tỉnh, thành phố. Có 33% doanh nghiệp được hỏi cho rằng họ phải trả “*CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường*”, xếp hạng 17/63 tỉnh, thành phố. Có 29% doanh nghiệp được hỏi cho rằng họ phải trả “*CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế*”, xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố. Có đến 75% doanh nghiệp được hỏi cho rằng họ phải trả “*CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng*”, xếp hạng 39/63 tỉnh, thành phố. Có đến 57% doanh nghiệp được hỏi cho rằng họ phải trả “*CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường*”, xếp hạng 50/63 tỉnh, thành phố.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số “Chi phí không chính thức” tại Kế hoạch số 181/KH-UBND, chỉ số này do Thanh tra tỉnh là đơn vị đầu mối đã hoàn thành kế hoạch đề ra.

1.4 Chỉ số thành phần “Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp”

Chỉ số này đo lường các dịch vụ của tỉnh để phát triển khu vực tư nhân như xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, phát triển các khu/cụm công nghiệp tại địa phương và cung cấp các dịch vụ công nghệ cho doanh nghiệp.

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp” có 13 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 2 chỉ tiêu, bỏ 11 chỉ tiêu, bổ sung mới 11 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 6,32 điểm (tăng 0,28 điểm), xếp hạng 45/63 tỉnh, thành phố cả nước (giảm 16 bậc). Chỉ số này mặc dù tăng điểm nhưng giảm thứ bậc mạnh cụ thể:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Chỉ có 28% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ”, xếp hạng 60/63 tỉnh, thành phố; có 1,24% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp” xếp hạng 10/63 tỉnh, thành phố

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: Có 82% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện”, xếp hạng 34/63 tỉnh, thành phố. Có 85% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện”, xếp hạng 28/63 tỉnh, thành phố. 88% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện”, xếp hạng 26/63 tỉnh, thành phố. 81% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện”, xếp hạng 28/63 tỉnh, thành phố. Có 87% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện”, xếp hạng 17/63 tỉnh, thành phố. Có 83% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp dễ thực hiện”, xếp hạng 25/63 tỉnh, thành phố. 84% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện”, xếp hạng 31/63 tỉnh, thành phố. Có 35% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTA”, xếp hạng 22/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên có đến 88% doanh nghiệp cho rằng “Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả”, xếp hạng 2/63 tỉnh, thành phố

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số “Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp” tại Kế hoạch số 118/KH-UBND chỉ số này do Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối đã hoàn thành kế hoạch đề ra.

1.5 Chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự”

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự” có 18 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 16 chỉ tiêu, bỏ 1 chỉ tiêu, bổ sung mới 2 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 7,39 điểm (tăng 0,85 điểm), xếp hạng 21/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng 17 bậc). Chỉ số này tăng điểm và tăng thứ bậc:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Có 47% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN”, xếp hạng 20/63 tỉnh, thành phố. Có 52% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm”, xếp hạng 25/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 59% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp”, xếp hạng 33/63 tỉnh, thành phố. 81% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng”, xếp hạng 33/63 tỉnh, thành phố. Có 88% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh

nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp”, xếp hạng 24/63 tỉnh, thành phố. Có đến 49% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh”*, xếp hạng 57/63 tỉnh, thành phố. Có 95% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết”* xếp hạng 01/63 tỉnh, thành phố. Có 89% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt”* xếp hạng 5/63 tỉnh, thành phố. Có 2% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua”* xếp hạng 7/63. Tuy nhiên vẫn có đến 2% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn”* xếp hạng 54/63

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: Có 81% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được”*, xếp hạng 25/63 tỉnh, thành phố. Có 77% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được”* xếp hạng 14/63 tỉnh, thành phố.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự” tại Kế hoạch số 181/KH-UBND, chỉ số này do Công an tỉnh và Toà án nhân dân tỉnh là đầu mối triển khai và đạt mục tiêu đề ra.

1.6. Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”

Chi phí thời gian đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” có 11 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 11 chỉ tiêu, bổ sung mới 3 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 7,82 điểm (tăng 0,65 điểm), xếp hạng 18/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng 32 bậc). Chỉ số thành phần này là một trong những chỉ số thành phần tăng điểm và tăng thứ bậc trong năm 2021.

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Chỉ có 86% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả”*, xếp hạng 34/63 tỉnh, thành phố. Có 88% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Cán bộ nhà nước thân thiện”*, xếp hạng 15/63 tỉnh, thành phố. 78% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký”*, xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố. Có 83% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định”*, xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố. Có 8% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp”*, xếp hạng 19/63 tỉnh, thành phố. Có 9% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm”*, xếp hạng 24/63 tỉnh, thành phố.

+ Đối với chỉ tiêu bổ sung mới: Trong 03 chỉ tiêu được bổ sung mới trong năm 2021 tại chỉ số thành phần này, tỉnh Lạng Sơn đều có tỷ lệ đánh giá cao và thứ hạng cao so với trung vị cụ thể: có 66% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến”*, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 70% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thực hiện TTHC trực*

tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN”, xếp hạng 5/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 68% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN”*, xếp hạng 5/63 tỉnh, thành phố

- Theo Kế hoạch số 118/KH-UBND chỉ số “Chi phí thời gian” giao cho Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm và làm đầu mối đã đạt được mục tiêu đề ra.

2. Chỉ số thành phần PCI giảm điểm năm 2021

2.1. Chỉ số thành phần “Tính minh bạch”

Là chỉ số đo lường khả năng tiếp cận các quy hoạch, kế hoạch của tỉnh và các văn bản pháp lý cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và mức độ tiện dụng của trang web tỉnh đối với doanh nghiệp

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Tính minh bạch” có 17 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 11 chỉ tiêu, bỏ 1 chỉ tiêu, bổ sung mới 6 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 5,61 điểm (giảm 0,14 điểm), xếp hạng 45/63 tỉnh, thành phố cả nước (giảm 8 bậc). Đây là một trong ba chỉ số có tác động lớn tới sự phát triển của nền kinh tế tư nhân và có trọng số cao (trọng số 20) trong cách tính điểm PCI. Năm 2021 chỉ số thành phần này giảm cả về điểm số và thứ hạng, cụ thể:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Chỉ tiêu *“Tiếp cận tài liệu quy hoạch”* chỉ đạt 2,68 điểm, xếp hạng 32/63 tỉnh, thành phố. Chỉ tiêu *“Tiếp cận tài liệu pháp lý”* đạt 3,16 điểm, xếp hạng 16/63 tỉnh, thành phố. Có 39% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh”* xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố. Có đến 60% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Cần có “mối quan hệ” để có được các tài liệu của tỉnh”* xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố. Có 60% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh”*, xếp hạng 30/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên có một số chỉ tiêu được doanh nghiệp đánh giá thấp như chỉ tiêu *“Minh bạch trong đấu thầu”* được doanh nghiệp đánh giá với 70%, đứng thứ 52/63 tỉnh, thành phố. Chỉ tiêu *“Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu”* là 05 ngày theo đánh giá của doanh nghiệp, xếp thứ 49/63 tỉnh, thành phố. Chỉ tiêu *“Chất lượng website của tỉnh”* là 26,77 điểm, xếp thứ 59/63 tỉnh, thành phố.

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: Có 65% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích”*, xếp hạng 38/63 tỉnh, thành phố. Có đến 52% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích”*, xếp hạng 21/63 tỉnh, thành phố. Có 61% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích”*, xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố. Có 26% doanh nghiệp được hỏi cho rằng *“Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp”*, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố. Có 34% doanh nghiệp nhận định có thể *“Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh”*, xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số thành phần “Tính minh bạch” tại Kế hoạch số 118/KH-UBND giao Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin truyền thông là đơn vị chủ trì, không đạt mức kế hoạch đề ra.

2.2. Chỉ số thành phần “Gia nhập thị trường”

Chi phí gia nhập thị trường là chỉ số đo lường về thời gian doanh nghiệp phải chờ để đăng ký doanh nghiệp và thời gian để nhận được tất cả các loại giấy phép cần thiết (*thủ tục về thuế, bảo hiểm, xây dựng, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận đủ kiện kinh doanh...*),

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Gia nhập thị trường” có 19 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 9 chỉ tiêu, bỏ 1 chỉ tiêu, bổ sung mới 9 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 5,86 điểm (giảm 2,91 điểm), xếp hạng 61/63 tỉnh, thành phố cả nước (giảm 58 bậc). Chỉ số này giảm mạnh về điểm, và thứ bậc cụ thể như sau:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Chỉ tiêu: “*Thời gian đăng ký doanh nghiệp*” giảm 01 ngày so với năm 2020, xếp hạng ở vị trí 04/63 tỉnh, thành phố. Có 72% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện*”, xếp hạng 10/63 tỉnh, thành phố. 74% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ*”, xếp hạng 32/63 tỉnh, thành phố. Có 42% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn*”, xếp hạng 38/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 42% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện*”, xếp hạng 41/63 tỉnh, thành phố. Có 4% “*DN phải chờ hơn Ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động*” xếp hạng 54/63 tỉnh, thành phố năm 2021. Có 6% “*DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động*” xếp hạng 16/63 tỉnh, thành phố

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: Chỉ có 43,56% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ*”, xếp hạng 56/63 tỉnh, thành phố. Có 30% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện*”, xếp hạng 58/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 38% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định*”, xếp hạng 58/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 24% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định*”, xếp hạng 62/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 27% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật*”, xếp hạng 60/63 tỉnh, thành phố. Tất cả các chỉ tiêu bổ sung mới có tỷ lệ lớn tỉnh Lạng Sơn nằm trong top dưới của bảng xếp hạng PCI 2021.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số thành phần “Gia nhập thị trường” tại Kế hoạch số 118/KH-UBND, chỉ số này không đạt mức kế hoạch đề ra, do vậy trách nhiệm thuộc về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.3. Chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng”

Chỉ số thành phần này đánh giá môi trường cạnh tranh đối với các doanh nghiệp dân doanh trước những ưu đãi dành cho doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp thân quen với cán bộ chính quyền cấp tỉnh, thể hiện dưới dạng các đặc quyền, ưu đãi cụ thể khi tiếp cận các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tín dụng... và được ưu tiên đối xử trong thực hiện các TTHC và chính sách.

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng” có 11 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 02 chỉ tiêu, bỏ 9 chỉ tiêu, bổ sung mới 9 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 6,31 điểm (giảm 0,08 điểm), xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố, tăng 18 bậc. Đây là chỉ số giảm điểm, nhưng tăng bậc so với năm 2020 và điểm cao hơn trung vị của cả nước, cụ thể:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Có 51% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Hợp đồng, đất đai, ... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh*” chủ yếu rơi vào DN thân quen (CBCQ)”, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố. Có 37% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Việc tỉnh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp*”, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố.

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: có 87% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác*”, xếp hạng 02/63 tỉnh, thành phố. Có 49% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước*”, xếp hạng 24/63 tỉnh, thành phố. Có đến 39% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước*”, xếp hạng 34/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên chỉ có 22% doanh nghiệp đồng ý “*Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn*”, xếp hạng 40/63 tỉnh, thành phố và có 13% doanh nghiệp đồng ý “*Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn*”, xếp hạng 45/63 tỉnh, thành phố.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” tại Kế hoạch số 118/KH-UBND, chưa đạt mục tiêu đề ra, trách nhiệm đầu mối thuộc về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.4. Chỉ số thành phần “Đào tạo lao động”

Chỉ số này đo lường các nỗ lực của lãnh đạo tỉnh để thúc đẩy đào tạo nghề và phát triển kỹ năng nhằm hỗ trợ cho các ngành công nghiệp tại địa phương và giúp người lao động tìm kiếm việc làm.

- Năm 2021, chỉ số thành phần “Đào tạo lao động” có 11 chỉ tiêu đánh giá trong đó giữ lại 5 chỉ tiêu, bỏ 6 chỉ tiêu, bổ sung mới 6 chỉ tiêu so với năm 2020. Trong năm vừa qua, chỉ số trên đạt 5,83 điểm (giảm 0,47 điểm), xếp hạng 30/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng 10 bậc). Chỉ số này giảm điểm nhưng tăng thứ bậc cụ thể:

+ Đối với các chỉ tiêu giữ lại: Chỉ có 53% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN*”, xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố. “*Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh*” chiếm 2,98% xếp hạng 3/63 tỉnh, thành phố cả nước. Có 51% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt*” xếp hạng 41/63 tỉnh, thành phố. Có 76% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt*” xếp hạng 15/63 tỉnh, thành phố. Có 21% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo*”, xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố.

+ Đối với các chỉ tiêu bổ sung mới: Chỉ có 21% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng*”, xếp hạng 54/63 tỉnh, thành phố. Chỉ có 20% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng*”, xếp hạng 60/63 tỉnh, thành phố. Có 66% doanh nghiệp được hỏi cho rằng “*Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng*” xếp hạng 50/63 tỉnh, thành phố. Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT là 5,56 điểm, xếp hạng 56/63 tỉnh, thành phố.

- Theo phân công nhiệm vụ cải thiện chỉ số “Đào tạo lao động” tại Kế hoạch số 118/KH-UBND. Chỉ số thành phần số “Đào tạo lao động” không đạt mục tiêu đề ra, Trách nhiệm thuộc về Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo

III. ĐÁNH GIÁ, TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Đánh giá chung

- Để đạt được kết quả như trên là do sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo tỉnh cùng sự nỗ lực của toàn hệ thống chính trị trong việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các Nghị quyết của Chính phủ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã tạo ra sự chuyển đổi tích cực trên thực tế, được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao. Đặc biệt là sự chỉ đạo, điều hành đúng hướng và đúng trọng tâm của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tính năng động của chính quyền tỉnh là Chỉ số cải thiện mạnh mẽ nhất trong năm 2021, xếp thứ 6/63 cả nước (tăng 1,88 điểm, tăng 47 bậc so với năm 2020).

- Trong năm vừa qua môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh Lạng Sơn đã được cải thiện, nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan hành chính nhà nước về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã có chuyển biến tích cực, các thủ tục hành chính được cắt giảm, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đã có sự thay đổi về tư duy, nhận thức, chuyển từ “cho phép”, “cấp phép” sang tư duy “phục vụ” nhân dân và doanh nghiệp. Hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh là bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính, mang lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp.

- Sau khi UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch 118/KH-UBND ngày 25/5/2021 về việc Cải thiện chỉ số PCI tỉnh Lạng Sơn năm 2021, các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp của ngành mình nhằm nâng điểm số chỉ số thành phần đã được giao. Tuy nhiên kết quả PCI năm 2021 mặc dù tăng 1,49 điểm, tăng 13 bậc trong bảng xếp hạng, nhưng vẫn chưa đạt được mục tiêu năm 2021 nằm trong nhóm tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành khá của cả nước. Điều này cho thấy môi trường kinh doanh của tỉnh vẫn chưa tạo ra bước cải thiện mạnh mẽ, quyết liệt. Trong 10 chỉ số thành phần của chỉ số PCI, có đến 04 chỉ số thành phần giảm điểm trong năm qua (trong đó có 02 chỉ số thành phần có trọng số cao 20% là chỉ số Tính minh bạch và Đào tạo lao động). Trong 06 chỉ số thành phần còn lại, có 02 chỉ số thành phần chỉ tăng điểm nhẹ, thứ hạng của những chỉ số này vẫn nằm dưới mức trung vị của cả nước (Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và Tiếp cận đất đai). Điều đó cho thấy, các sở, ngành và địa phương vẫn chưa thực sự chủ động trong việc đưa ra các sáng kiến, giải pháp nhằm tạo chuyển biến đột phá trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn mà vẫn triển khai trên cơ sở tư duy, lối mòn cũ do vậy hiệu quả không cao.

2. Tồn tại, hạn chế

- Trong năm vừa qua các thành viên trong Tổ công tác PCI chưa phát huy hết vai trò của đơn vị mình trong công tác tham mưu cho Tổ công tác PCI các giải pháp mang tính đột phá, sáng tạo và cải thiện mạnh mẽ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Nhiệm vụ đưa ra các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) chủ yếu rơi vào các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối, nhiệm vụ chủ trì, còn các đơn vị được giao nhiệm vụ phối hợp chưa thể thiệm được vai trò của mình; vẫn còn tư duy trách nhiệm cải thiện, nâng cao điểm số các chỉ số thành phần PCI là trách nhiệm của các đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì.

- Một số các sở, ngành, địa phương chưa thực hiện nhất quán chủ trương “đồng hành cùng doanh nghiệp”; chưa chủ động, đổi mới phương pháp trong việc tổ chức các cuộc tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt các khó khăn, vướng mắc để kịp thời tham mưu, giải quyết dứt điểm, vẫn còn tình trạng nhà đầu tư kiến nghị nhưng việc trả lời, giải đáp còn chậm trễ.

- Một số thủ tục hành chính còn rườm rà, thời gian xử lý kéo dài, nhiều thủ tục chưa công khai rõ ràng, cán bộ xử lý trực tiếp hồ sơ của doanh nghiệp còn cứng nhắc, chưa thực sự hỗ trợ và giải quyết triệt để những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Sự chồng chéo giữa các quy hoạch dẫn đến công tác thu hút đầu tư bị hạn chế và gây ra nhiều khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư khi triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Việc giải phóng mặt bằng quỹ đất sạch còn gặp khó khăn. Vi phạm đất đai còn diễn biến phức tạp, công tác xử lý các vi phạm tại một số địa phương

còn chưa đạt yêu cầu. Thủ tục chuyển đổi, cấp mới về đất đai cho doanh nghiệp còn chậm.

- Chất lượng giáo dục dạy nghề của tỉnh chưa bắt kịp xu hướng công nghệ hiện đại của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chất lượng lao động tại địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Các cấp, các ngành tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 23/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025.

- Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát toàn bộ các chỉ số, chỉ tiêu thành phần PCI năm 2021 để đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, đặc biệt là các chỉ số giảm điểm, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch khắc phục trong năm tiếp theo.

- Tiếp tục nắm vững quan điểm, bám sát nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

- Phát huy hơn nữa hiệu quả vai trò của Tổ công tác PCI thực hiện các giải pháp nâng hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022.

Trên đây là báo cáo phân tích các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội DN tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, ĐKKD.

GIÁM ĐỐC

Vũ Hoàng Quý